

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2025/DS-ST
Ngày: 29/4/2025
“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Ông Võ Thanh Nhân;

2. Ông Ngô Văn Được.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại hai điểm cầu:

- Điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới;

- Điểm cầu thành phần: Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C.

Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1155/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: số A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Cao Phước T1, sinh năm 1985 - Chủ hộ kinh doanh Thiện Thi; địa chỉ: khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Anh T2, sinh năm 1988; địa chỉ: khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cho rằng:

Vào ngày 08/12/2020, bà T có cho ông Cao Phước T1 - Chủ hộ kinh doanh Thiện Thi vay số tiền 200.000.000 đồng, có làm biên nhận do ông T1 ghi nội dung, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả chỉ nói khi nào cần thì ông T1 trả lại. Ông T1 là người trực tiếp nhận tiền, bà T2 cũng có biết, mục đích vay để kinh doanh cửa hàng T4. Bà T2 và ông T1 là vợ chồng, cùng kinh doanh chung cửa hàng T, mục đích sinh lợi để dùng cung trong gia đình. Khi bà T có nhu cầu thu hồi vốn và lãi thì ông T1 và bà T2 không thanh toán. Vì vậy, bà T yêu cầu ông T1 - Chủ hộ kinh doanh Thiện Thi và bà T2 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Tờ tự khai của bà Nguyễn Thị T; Biên nhận ngày 08/12/2020 (bản photo đã đối chiếu).

Bị đơn ông Cao Phước T1 - Chủ hộ kinh doanh Thiện Thi trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà T về số tiền vay, lãi suất cho vay, thời hạn vay. Tiền vay do ông T1 nhận trực tiếp từ bà T, việc vay có làm biên nhận do ông T1 chuẩn bị nội dung, ông T1 đại diện ký vào biên nhận. Do kinh doanh thua lỗ nên mất khả năng thanh toán cho bà T mặc dù bà T nhiều lần yêu cầu vợ chồng T1, bà T2 trả nợ. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông T1 đồng ý cùng bà T2 trả cho bà T số tiền 200.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Anh T2 trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông T1 về số tiền vợ chồng đã vay của bà T tổng cộng 200.000.000 đồng. Bà T2 đồng ý cùng với ông T1 trả số tiền 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu khởi kiện như đã cung cấp tại giai đoạn chuẩn bị xét xử và không còn tài liệu, chứng cứ nào cung cấp thêm cho Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Anh T2 vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Anh T2 đã thực hiện đúng quy

định tại các Điều 70, 73, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc bà Nguyễn Thị Anh T2 và ông Cao Phước T1 – Chủ hộ kinh doanh Thiện Thi có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về mối quan hệ tranh chấp:* Bà T2, ông T1 – Chủ hộ kinh doanh Thiện T3 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ông T1 – Chủ hộ kinh doanh Thiện Thi và bà T3 trả số tiền vay 200.000.000 đồng, ông T1 – Chủ hộ kinh doanh Thiện Thi và bà T3 cư trú trên địa bàn huyện C nên yêu cầu kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở, ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông T1 vắng mặt không rõ lý do. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[1] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:*

Bà T, bà T3 và ông T1 đều xác định, vào ngày 08/12/2020, bà T có cho ông Cao Phước T1 - Chủ hộ kinh doanh Thiện Thi vay số tiền 200.000.000 đồng, có làm biên nhận do ông T1 ghi nội dung, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả chỉ nói khi nào cần thì ông T1 trả lại, mục đích vay để kinh doanh cửa hàng T4. Bà T3 và ông T1 là vợ chồng, cùng kinh doanh chung cửa hàng T, mục đích sinh lợi để dùng chung trong gia đình. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T3, ông T1 – Chủ hộ kinh doanh Thiện Thi mất khả năng thanh toán nên không trả vốn cho bà T mặc dù nhiều lần yêu cầu.

Do đó, có căn cứ xác định bà T3, ông T1 – Chủ hộ kinh doanh Thiện Thi có vay của bà T số tiền 200.000.000 đồng nhưng chưa thanh toán.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Do bà T3, ông T1 – Chủ hộ kinh doanh Thiện Thi không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay theo thỏa thuận nên việc bà T khởi kiện bà T3, ông T1 – Chủ hộ kinh doanh Thiện Thi có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 200.000.000 đồng. Xét thấy, ông T1 và bà T3 cũng đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên cho bà T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông T1 – Chủ hộ kinh doanh Thiện Thi, bà Nguyễn Thị Anh T2 là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu tính lãi suất: Bà T không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông T1 – Chủ hộ kinh doanh Thiện Thi, bà T2 có nghĩa vụ liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Cao Phước T1 – Chủ hộ kinh doanh Thiện Thi, bà Nguyễn Thị Anh T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Cao Phước T1 – Chủ hộ kinh doanh Thiện Thi, bà Nguyễn Thị Anh T2 có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023283, ngày 09/10/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới cấp.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm

